

Số: 180/QĐ-CQLTT

Phú Thọ, ngày 15 tháng 12 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2020 của  
Cục Quản lý thị trường tỉnh Phú Thọ.

### CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3687/QĐ-BCT ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thị trường tỉnh Phú Thọ trực thuộc Tổng Cục Quản lý thị trường;

Căn cứ Thông báo số 119/TB-TCQLTT ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2020;

Theo đề nghị của Phòng Tổ chức- Hành chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Phú Thọ (theo biểu mẫu số 04 đính kèm).

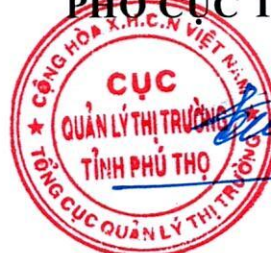
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Tổ chức- Hành chính; Kế toán Cục và các Phòng, Đội trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3(T/h);
- Tổng cục QLTT (b/c);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT. *dat*

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Dương Tuấn Anh

**Đơn vị: Cục Quản lý thị trường tỉnh Phú Thọ**  
**Chương: 016**

**Biểu số 4**  
 (Ban hành theo TT số 90/2018/TT-BTC  
 ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)



**QUYẾT TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 180.../QĐ-CQLTT ngày 15 /12/2021 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Phú Thọ)*

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc
1	2	3	4	5=4-3	6
<b>A</b>	<b>Tổng thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
I.	Số thu phí, lệ phí				
II.	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí để lại				
III.	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
<b>B</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách Nhà nước:</b>	<b>18.982.072.520</b>	<b>18.982.072.520</b>		
<b>I</b>	<b>Nguồn Ngân sách trong nước:</b>	<b>18.982.072.520</b>	<b>18.982.072.520</b>		
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính:</b>	<b>18.982.072.520</b>	<b>18.982.072.520</b>		
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14.951.000.000	14.951.000.000		
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.031.072.520	4.031.072.520		
	+ Chi khác theo đặc thù ngành, Lương lao động hợp đồng:	790.000.000	790.000.000		
	+ Mua sắm tài sản cố định: Trong đó	761.148.500	761.148.500		
	- Mua sắm tập trung máy tính, máy in:	151.868.000	151.868.000		
	- Mua sắm tập trung trang phục:	216.880.500	216.880.500		
	- Mua sắm TSCĐ, ấn chỉ, công cụ hỗ trợ:	392.400.000	392.400.000		
	+ Kinh phí thuê trụ sở làm việc:	280.000.000	280.000.000		
	+ Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính:	806.493.200	806.493.200		
	+ Kinh phí Hỗ trợ chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả:	308.700.000	308.700.000		
	+ Ban chỉ đạo 389 ngành:	35.067.100	35.067.100		
	+ Kinh phí cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất:	889.763.720	889.763.720		
	+ Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế:	159.900.000	159.900.000		
<b>II.</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		

*Đạt*